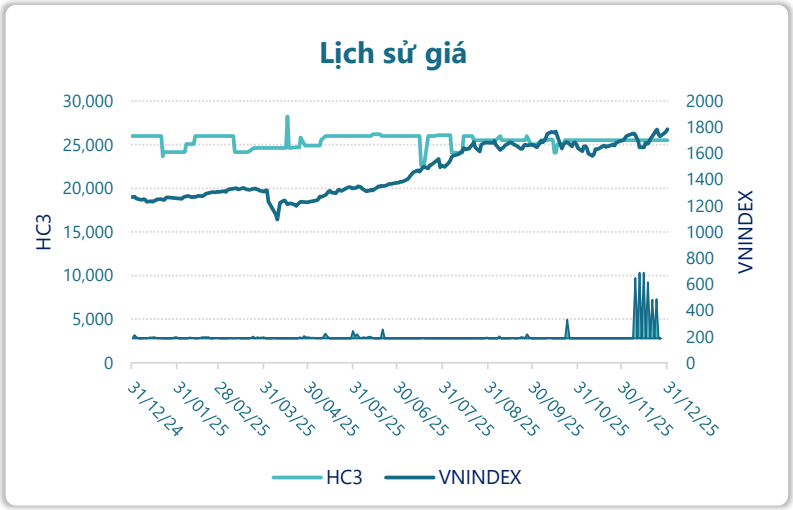
FireAnt

CTCP Xây dựng số 3 Hải Phòng (UPCOM: HC3)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**26,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	28,229
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	22,630
SL cổ phiếu LH	20,685,717
KLGD BQ 20 phiên (CP)	750
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	548
P/E	12.7
EPS	2,086

DT thuần

Q4/25

23.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.70| 13.3%

YoY: ▲ 1.30| 6.0%

LN sau thuế

Q4/25

11.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.80| -37.1%

YoY: ▲ 6.34| 123%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

70.9%

+/- YoY: ▲ 11.5%

DT thuần

2025

73.2

tỷ VNĐ

YoY: ▼5.30| -6.8%

LN sau thuế

2025

43.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 6.80| 18.7%

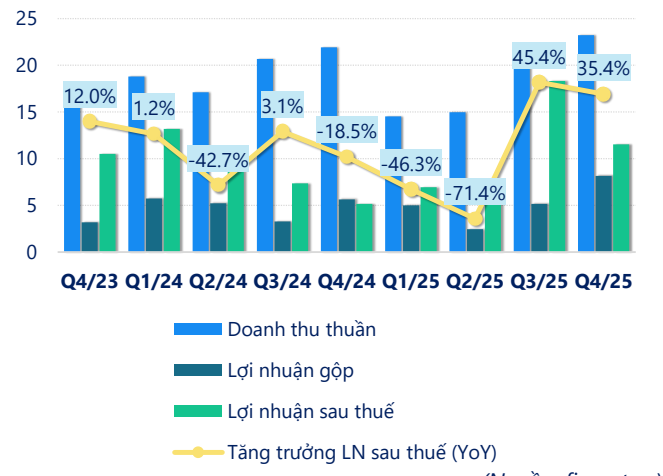
ROE

2025

6.8%

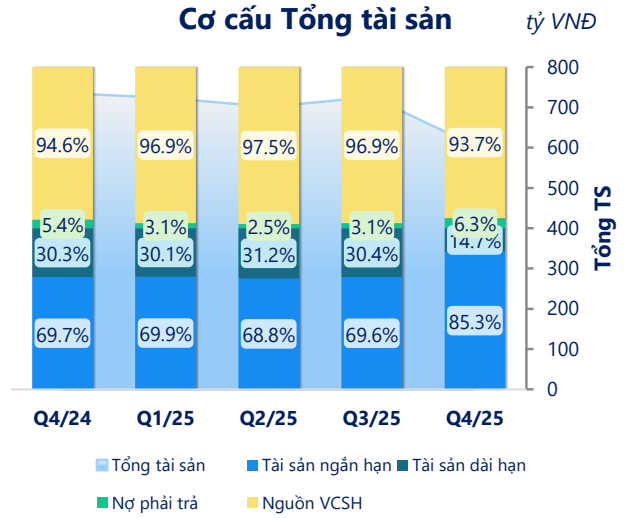
+/- YoY: ▲ 1.6%

Kết quả kinh doanh



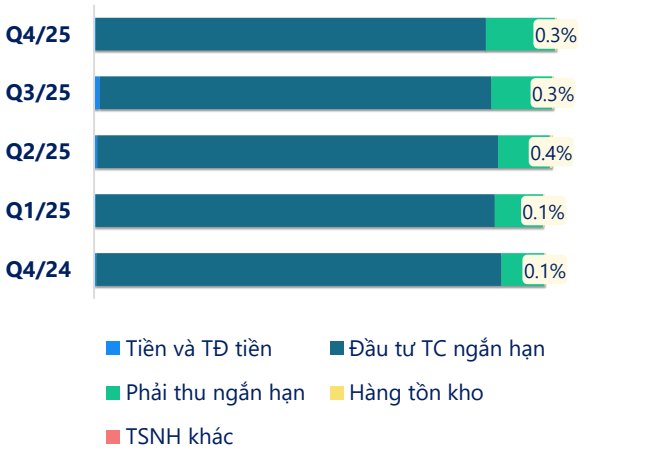
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



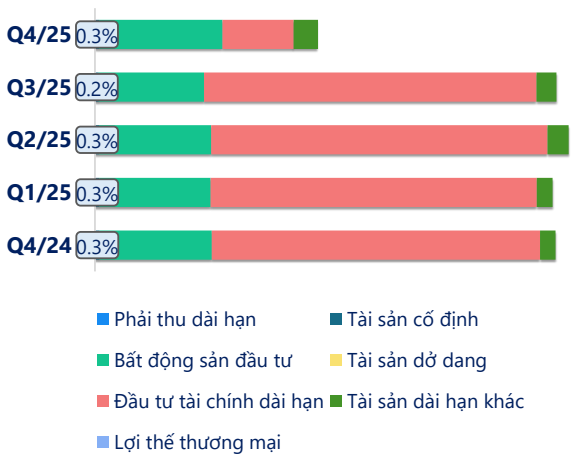
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



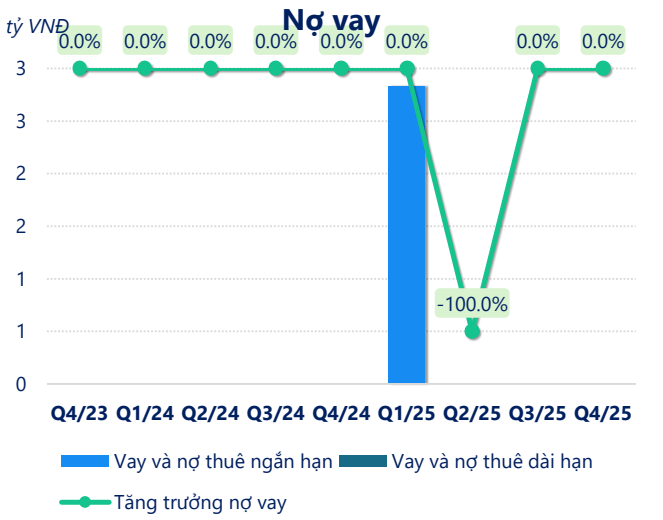
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



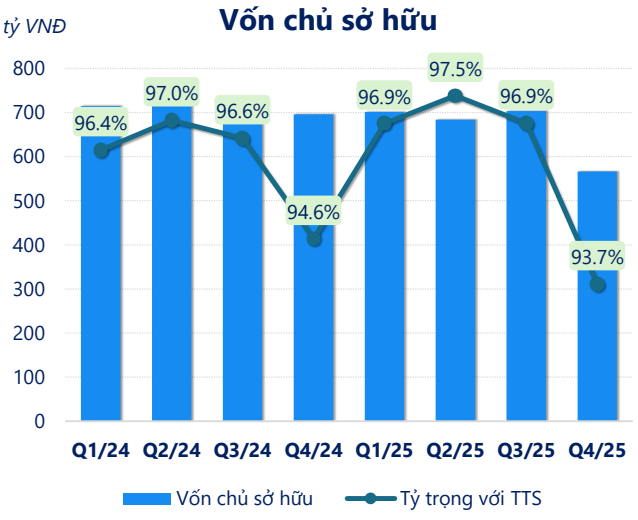
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



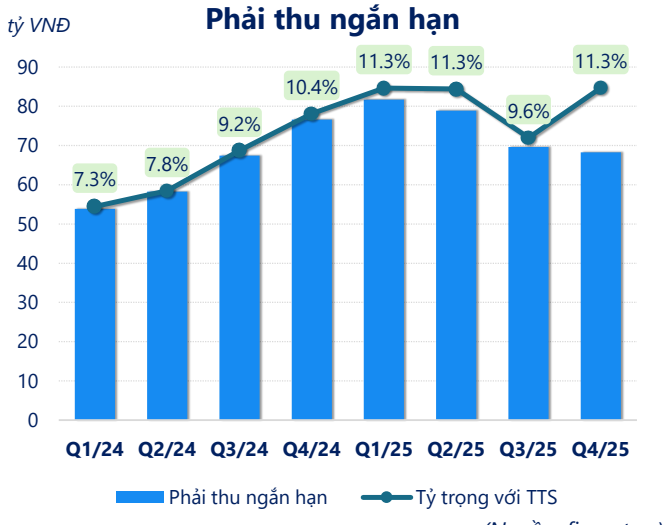
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



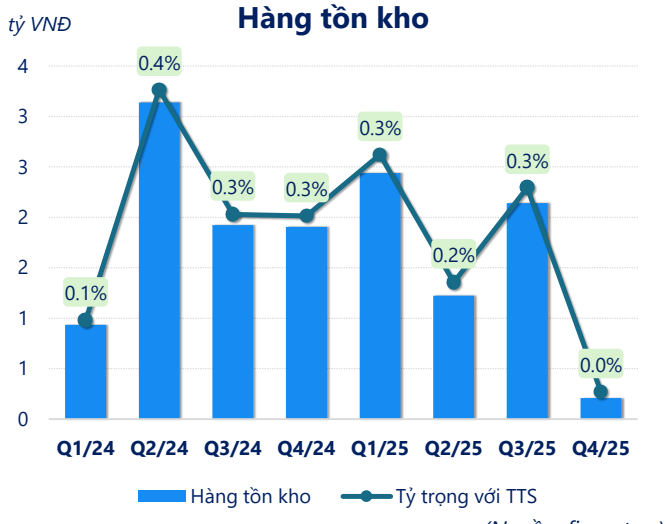
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



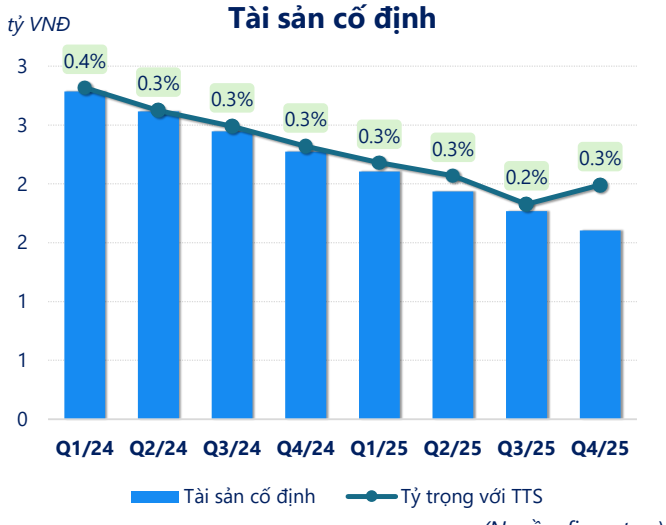
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



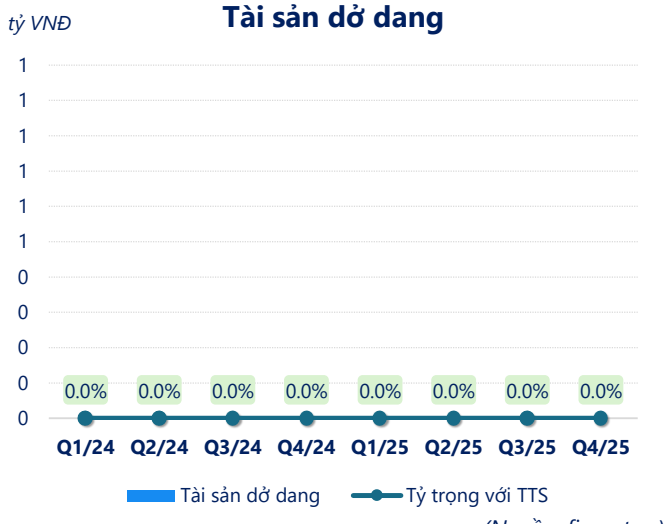
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



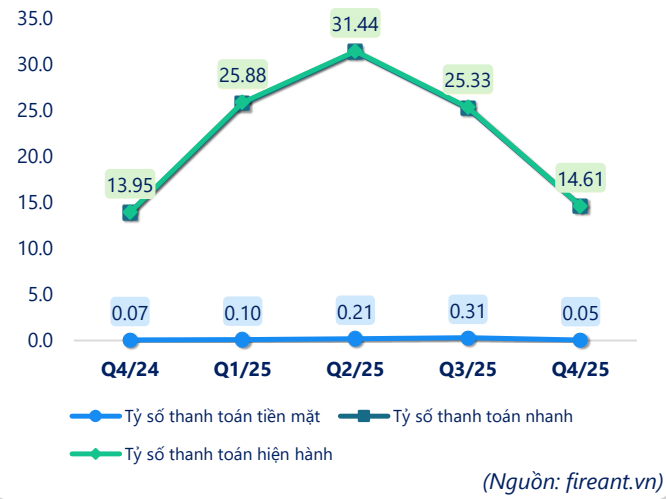
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



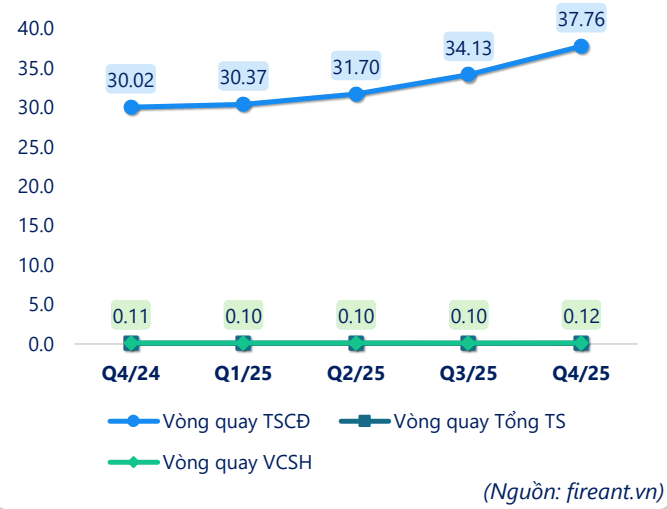
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**736**	**724**	**701**	**726**	**604**
Tài sản ngắn hạn	**513**	**506**	**483**	**505**	**516**
Tiền và tương đương tiền	2.47	2.02	3.15	6.11	1.81
Đầu tư tài chính ngắn hạn	431	419	399	427	445
Phải thu ngắn hạn	76.6	81.7	78.9	69.6	68.2
Hàng tồn kho	1.90	2.44	1.22	2.14	0.21
Tài sản ngắn hạn khác	0.29	0.28	0.14	0.25	0.71
Tài sản dài hạn	**223**	**218**	**219**	**220**	**88.7**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	2.27	2.10	1.94	1.77	1.60
Bất động sản đầu tư	54.3	53.0	51.7	50.4	49.1
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	159	155	155	159	28.2
Tài sản dài hạn khác	7.51	7.56	9.69	9.56	9.72
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**39.6**	**22.4**	**17.8**	**22.4**	**37.9**
Nợ ngắn hạn	**36.7**	**19.5**	**15.4**	**20.0**	**35.3**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	2.83	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	0.71	0.64	1.04	0.89	0.97
Nợ dài hạn	2.83	2.83	2.46	2.44	2.64
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**696**	**701**	**684**	**704**	**566**
Vốn chủ sở hữu	**696**	**701**	**684**	**704**	**566**
Vốn điều lệ	207	207	207	207	207
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)